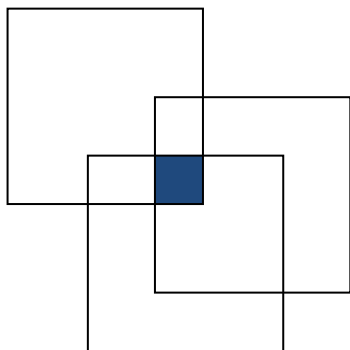


THỜI GIỜ LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM



Giới thiệu

- Vấn đề thời giờ làm việc tiêu chuẩn trong dự thảo Bộ luật Lao động thu hút được nhiều mối quan tâm của dư luận.
- Có cơ quan đã đề xuất giảm số giờ làm việc bình thường hàng tuần theo luật, từ tuần 48 giờ như hiện nay xuống còn 44 hoặc 40 giờ mỗi tuần.
- Nội dung báo cáo:
 - o Cung cấp một số kết quả phân tích thực chứng về số giờ làm việc hàng tuần hiện nay;
 - o Ước tính về thời giờ làm việc thực tế của người lao động, tập trung vào phân tích tỷ trọng người lao động phân theo số giờ làm việc thực tế hàng tuần;
 - o Số liệu phân chia theo đặc điểm nhân khẩu học, ngành nghề, lĩnh vực hoặc khu vực kinh tế.

Nguồn dữ liệu

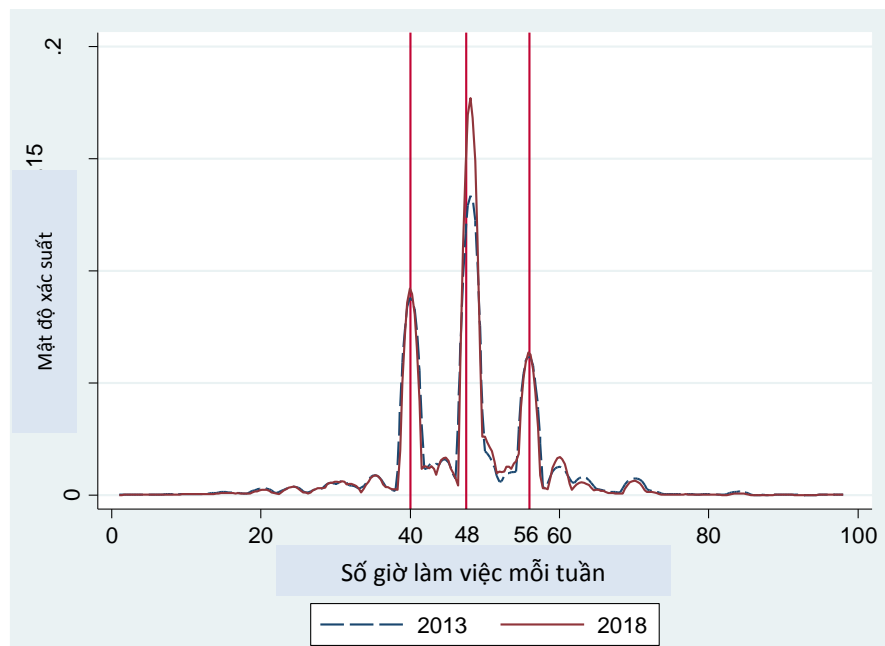
- Điều tra Lao động – Việc làm năm 2013 và năm 2018 của Tổng cục Thống kê.
- Điều tra hàng năm này cung cấp thông tin chi tiết và xu thế việc làm, tiền lương tại Việt Nam dựa trên số liệu khảo sát khoảng 800.000 người từ 15 tuổi trở lên trên cả nước mỗi năm.
- Tập trung vào nhóm lao động làm công, hưởng lương. Trong lực lượng lao động, tỷ lệ người làm công hưởng lương tăng từ 35% năm 2013 lên 44% năm 2018.

Kết quả phân tích thực chứng về thời giờ làm việc

Tổng số giờ làm việc hàng tuần

- Đối với người làm công hưởng lương, số giờ làm việc trung bình trong một tuần thông thường nhìn chung không mấy thay đổi, 47.5 giờ vào năm 2013 và 47.44 giờ vào năm 2018. Sự phân bố người lao động theo giờ làm việc trong hai năm này cũng rất giống nhau (Hình 1).
- Số liệu thống kê cho thấy đa phần người lao động làm việc 48 giờ mỗi tuần, sau đó vào khoảng 40 và 56 giờ mỗi tuần. Đây là số liệu về thời gian làm việc thực tế trong tuần nên số giờ làm việc này có thể bao gồm cả thời gian làm thêm giờ.
- Từ hai đỉnh thể hiện 40 giờ và 48 giờ ở Hình 1, ta có thể thấy rằng giờ làm việc thực tế nằm trong ngưỡng giờ làm việc hàng tuần theo luật định là 40 và 48 giờ. Đỉnh cao thứ ba (56 giờ làm việc hàng tuần) có thể được xem là bao gồm 8 giờ làm việc ngoài giờ mỗi tuần.

- Hình 1: Số giờ làm việc hàng tuần của lao động làm công hưởng lương

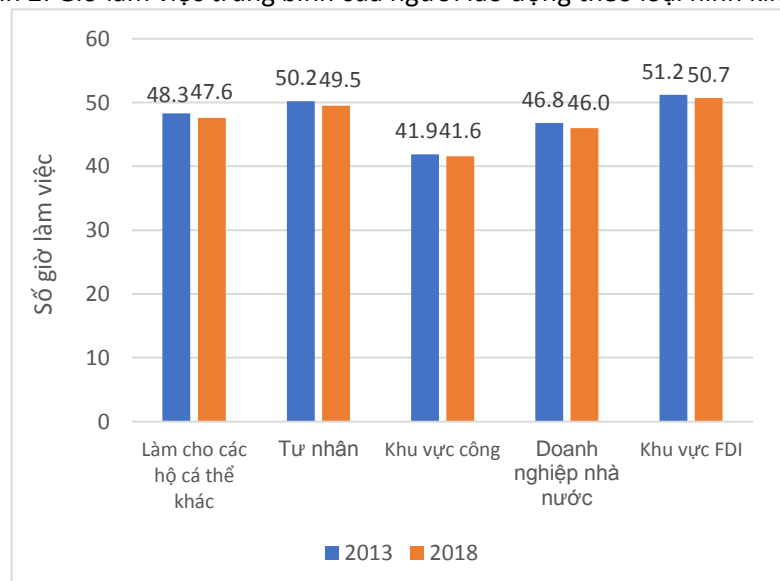


Nguồn: Ước tính từ ĐTLĐVL năm 2013 và 2018.

Số giờ làm việc trung bình phân theo các loại hình kinh tế

- Người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước có số giờ làm việc thấp nhất, khoảng 42 giờ mỗi tuần. Người lao động trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có số giờ làm việc cao nhất, ở mức 51 giờ.

Hình 2: Giờ làm việc trung bình của người lao động theo loại hình kinh tế

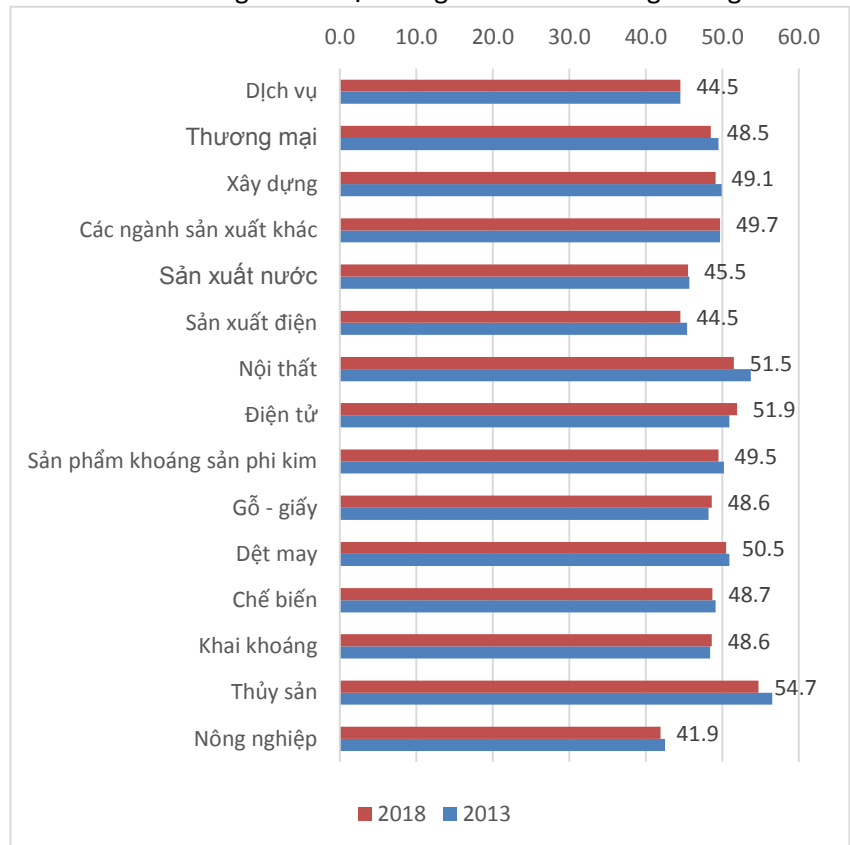


Nguồn: Ước tính từ ĐTLĐVL năm 2013 và 2018.

Số giờ làm việc trung bình của người lao động theo ngành nghề

- Lao động trong ngành thủy sản có số giờ làm việc cao nhất, trong khi lao động trong ngành nông nghiệp có số giờ làm việc thấp nhất.
- Lao động trong các ngành như dệt may, sản xuất điện tử và nội thất có số giờ làm việc khá cao, trên 50 giờ mỗi tuần. Những ngành này cũng tập trung nhiều doanh nghiệp FDI. Ngoại trừ ngành nông nghiệp, tất cả các ngành nghề khác đều có giờ làm việc trung bình trên 44 giờ mỗi tuần.
- Tỷ trọng lao động chia theo nhóm giờ làm việc (Hình 1) và giờ làm việc theo loại hình kinh tế và ngành nghề (Hình 2 và 3) của năm 2013 và năm 2018 có nhiều điểm rất tương đồng.

Hình 3: Số giờ làm việc trung bình chia theo ngành nghề



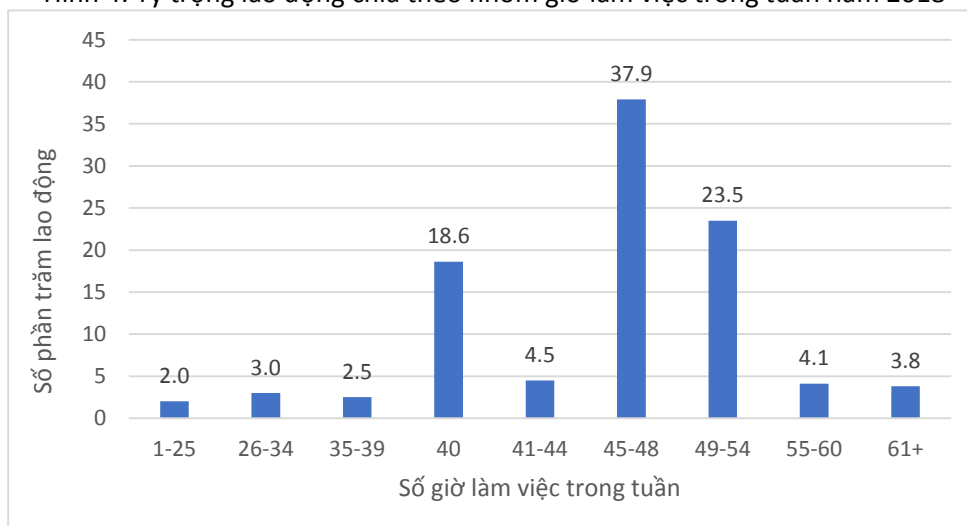
Nguồn: Ước tính từ ĐTLĐVL năm 2013 và 2018 [số trên đầu cột là số thống kê năm 2018].

Tỷ trọng lao động chia theo nhóm giờ làm việc trong tuần (năm 2018)

Để ước tính số lượng công nhân làm việc 40 giờ một tuần, từ 41 đến 44 giờ một tuần, từ 45 đến 48 giờ một tuần và hơn 48 giờ một tuần, chúng tôi xem xét tỷ trọng lao động chia theo nhóm giờ làm việc trong tuần. Hình 4 thể hiện tỷ lệ phần trăm của lao động làm công hưởng lương phân theo giờ làm việc của họ mỗi tuần.

Trong năm 2018, có 2% người lao động có số giờ làm việc từ 1 đến 26 giờ, và 3% người lao động làm việc từ 26 đến 34 giờ/tuần. Ở phía đối lập, có 3,8% người lao động có số giờ làm việc trên 60 giờ mỗi tuần. Hầu hết người lao động có số giờ làm việc từ 40 đến 54 giờ (chiếm 84,5%). Có 18,6% lao động làm việc 40 giờ mỗi tuần, trong khi 42,4% lao động làm việc từ 41 đến 48 giờ một tuần. Nếu thời gian làm việc hàng tuần theo luật định là 48 giờ được áp dụng thì bất kỳ công việc nào trên 48 giờ một tuần sẽ là công việc có làm thêm giờ. Trong số những lao động làm việc hơn 48 giờ một tuần, 23,5% làm việc từ 49 đến 54 giờ, trong khi 7,9% người lao động làm việc hơn 54 giờ một tuần. Nếu như thời giờ làm việc bình thường giảm từ 48 xuống 45 thì sẽ có khoảng 37,9% lao động sẽ có thời gian làm thêm giờ.

Hình 4: Tỷ trọng lao động chia theo nhóm giờ làm việc trong tuần năm 2018



Nguồn: Ước tính từ ĐTLĐVL 2018.

Tỷ trọng người lao động và mức tiền lương chia theo nhóm giờ làm việc trong tuần

Bảng 1 trình bày các con số ước tính về tỷ trọng người lao động làm công hưởng lương và tiền lương tương ứng theo số giờ làm việc mỗi tuần, chia theo 3 nhóm, thể hiện sự phân phối theo số giờ làm việc của từng nhóm lao động

- Nhóm thứ nhất là tất cả lao động làm công hưởng lương.
- Nhóm thứ hai là người lao động trong khu vực tư nhân và FDI, không bao gồm người làm việc tại khu vực công.
- Nhóm thứ ba là người lao động có hợp đồng lao động và làm việc trong khu vực tư nhân và FDI (loại trừ người lao động không có hợp đồng). Việc tuân thủ các quy định về giờ làm việc được cho là mạnh mẽ hơn nhiều đối với người lao động có hợp đồng.

Bảng 1. Tỷ trọng người lao động và mức tiền lương chia theo nhóm giờ làm việc trong tuần

	Số giờ làm việc mỗi tuần									Tổng
	1-25	26-34	35-39	40	41-44	45-48	49-54	55-60	61+	
Tất cả lao động làm công hưởng lương										
Tỷ trọng lao động chia theo nhóm giờ làm việc (%)	2,0	3,0	2,5	18,6	4,5	37,9	23,5	4,1	3,8	100
Số lao động chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn người)	469	714	591	4.373	1.049	8.886	5.526	970	888	23.465
Mức lương tháng của người LĐ chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn đồng)	2.479	3.137	3.778	6.282	5.997	6.141	5.465	6.165	6.156	5.779
Mức lương giờ của người lao động chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn đồng)	30,2	23,8	24,1	36,0	31,9	29,5	23,3	23,7	20,9	28,5
Lao động làm công hưởng lương trong khu vực tư nhân và vốn nước ngoài										
Tỷ trọng lao động chia theo nhóm giờ làm việc (%)	1,7	3,2	2,7	8,5	4,7	41,3	28,3	5,0	4,5	100
Số lao động chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn người)	319	588	495	1.573	857	7.612	5.206	930	834	18.414
Mức lương tháng của người LĐ chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn đồng)	2.279	3.023	3.595	5.478	5.663	6.018	5.421	6.147	6.166	5.575
Mức lương giờ của người lao động chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn đồng)	27,0	22,9	22,9	31,4	30,2	28,9	23,1	23,7	21,0	26,5
Lao động làm công hưởng lương có hợp đồng lao động trong khu vực tư nhân và vốn nước ngoài										
Tỷ trọng lao động chia theo nhóm giờ làm việc (%)	0,3	0,5	0,8	6,7	3,8	54,6	23,8	5,9	3,6	100
Số lao động chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn người)	26	46	70	599	340	4.921	2.147	529	329	9.006
Mức lương tháng của người LĐ chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn đồng)	4.389	5.781	5.996	8.074	8.332	6.602	6.149	6.755	7.296	6.676
Mức lương giờ của người lao động chia theo nhóm giờ làm việc (ngàn đồng)	53,4	44,3	37,9	46,3	43,8	31,6	26,3	26,0	24,7	31,4

Nguồn: Ước tính từ ĐTLĐVL 2018.

- Tổng số lao động làm công hưởng lương năm 2018 là 23,5 triệu, trong số này, 18,4 triệu lao động làm trong các khu vực tư nhân và FDI, và chỉ hơn 9 triệu lao động có hợp đồng lao động. Mức lương trung bình hàng tháng của người lao động làm công hưởng lương là 5,8 triệu đồng. Nếu chúng ta chia tiền lương hàng tháng cho số giờ làm việc mỗi tháng, chúng ta tính được tiền lương mỗi giờ ở mức khoảng 28,5 ngàn đồng.

- Nhìn chung tiền lương tháng trung bình của lao động ở các khu vực (tư nhân, nhà nước và FDI) khá giống nhau. Tuy nhiên tiền lương giờ trong khu vực tư nhân và FDI thấp hơn mức lương trung bình. Điều đó có nghĩa là khu vực công có mức lương bình quân giờ cao hơn khu vực tư nhân và FDI. Trong năm 2018, người lao động có hợp đồng lao động cũng có mức lương cao hơn. Tiền lương trung bình hàng tháng và tiền lương theo giờ của nhóm này lần lượt là 6,7 triệu và 31,4 ngàn đồng.